



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 11

Số 83 (01/11/2008)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

THÀNH PHỐ

- | | | |
|------------|---|----|
| 22-10-2008 | Quyết định số 73/2008/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ dân đang cư ngụ tại các chung cư cũ bị hư hỏng, xuống cấp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. | 2 |
| 23-10-2008 | Quyết định số 74/2008/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý và sử dụng lòng đường, vỉa hè trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. | 10 |

QUẬN 9

- | | | |
|-----------|--|----|
| 16-9-2008 | Quyết định số 32/2008/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận 9. | 31 |
| 16-9-2008 | Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 9. | 39 |

THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 73/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ dân
đang cư ngụ tại các chung cư cũ bị hư hỏng, xuống cấp
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2007/NQ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về một số giải pháp để thực hiện việc cải tạo, xây dựng lại các chung cư cũ bị hư hỏng, xuống cấp;

Căn cứ Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 65/2008/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 8065/TT-STC-BVG ngày 21 tháng 8 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định này quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ dân đang cư ngụ tại các chung cư cũ bị hư hỏng, xuống cấp trên địa bàn thành phố được thực hiện thông qua hình thức thanh toán bằng tiền hoặc bố trí lại nhà ở trong phạm vi dự án (sau khi cải tạo, xây dựng lại) hoặc bố trí lại nhà ở tại các địa điểm khác.

Điều 2. Phương thức bồi thường bằng tiền

1. Đối với nhà ở thuộc sở hữu tư nhân (có giấy tờ hợp pháp, hợp lệ):

Được tính bồi thường bằng 100% giá trị đất theo đơn giá đất ở để tính bồi thường và 100% giá trị nhà, vật kiến trúc theo đơn giá xây dựng mới (suất vốn đầu tư) của nhà, công trình do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành; trường hợp chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước thì phải khấu trừ số tiền phải thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước vào số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận.

2. Đối với nhà ở thuộc diện mua trả góp:

a) Đối với phần diện tích tương ứng phần tỷ lệ (%) tiền đã trả góp: tính bồi thường bằng tỷ lệ (%) số tiền đã trả góp nhân (x) với 100% giá trị nhà và giá trị đất tương ứng của nhà thuộc sở hữu tư nhân có cùng vị trí.

b) Đối với phần diện tích tương ứng phần tỷ lệ (%) tiền chưa trả góp: tính như nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, được hỗ trợ bằng 60% giá trị nhà và giá trị đất tương ứng của nhà thuộc sở hữu tư nhân có cùng vị trí.

3. Đối với nhà ở đang thuê thuộc sở hữu nhà nước:

a) Trường hợp đủ điều kiện để tính hỗ trợ theo diện nhà ở thuộc sở hữu nhà nước: tính hỗ trợ bằng 60% giá trị nhà và giá trị đất tương ứng của nhà thuộc sở hữu tư nhân có cùng vị trí.

b) Trường hợp không đủ điều kiện để tính hỗ trợ theo diện nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (không đủ điều kiện hợp thức hóa và chuyển quyền thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước): thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND.

Giao Sở Xây dựng có văn bản hướng dẫn cụ thể để Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện thống nhất đối với các trường hợp này.

Điều 3. Bồi thường bằng nhà ở tại các địa điểm khác

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng không nhận bồi thường bằng tiền thì được điều chỉnh, bố trí lại căn hộ khác như sau:

1. Trường hợp bố trí lại căn hộ khác trên địa bàn quận bị giải tỏa hoặc tại các quận lân cận có giá trị căn hộ tương đương với vị trí giải tỏa:

a) Đối với nhà ở thuộc sở hữu tư nhân: được điều chỉnh, bố trí lại căn hộ chung cư khác theo nguyên tắc bằng với phần diện tích nhà phải di chuyển của từng hộ; nếu có chênh lệch thì xử lý như sau:

a1) Trường hợp diện tích nhà bố trí lại lớn hơn diện tích nhà phải di chuyển thì phần giá trị chênh lệch lớn hơn này, người được bố trí phải thanh toán cho nhà đầu tư, cụ thể:

- Đối với phần diện tích chênh lệch giữa diện tích nhà, đất bị thu hồi và diện tích tối thiểu của căn hộ 30m², người được bố trí phải thanh toán cho nhà đầu tư theo suất vốn đầu tư của công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

- Đối với phần diện tích chênh lệch lớn hơn của căn hộ tối thiểu 30m², người được bố trí phải thanh toán cho nhà đầu tư với mức giá sát với giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường.

a2) Trường hợp diện tích nhà bố trí nhỏ hơn diện tích nhà phải di chuyển, thì phần giá trị chênh lệch này nhà đầu tư phải thanh toán cho người dân theo mức giá bồi thường tại vị trí thu hồi.

b) Đối với nhà ở thuộc diện mua trả góp và nhà ở đang thuê thuộc sở hữu nhà nước: người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước bị thu hồi được thuê nhà ở tại nơi tái định cư (theo sự sắp xếp của Ủy ban nhân dân quận - huyện và Hội đồng Bồi thường của dự án); diện tích thuê mới tại nơi tái định cư phù hợp với diện tích thuê cũ; được mua, được thuê nhà theo quy định của Chính phủ về nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.

2. Trường hợp bố trí lại căn hộ khác trên địa bàn các quận, huyện có giá trị căn hộ thấp hơn vị trí giải tỏa:

a) Đối với nhà ở thuộc sở hữu tư nhân: được điều chỉnh, bố trí lại căn hộ chung cư khác với diện tích tiêu chuẩn được hưởng xác định theo công thức sau:

$$\text{Diện tích tiêu chuẩn được hưởng} = \frac{\text{Diện tích nhà ở nơi cũ được bồi thường} \times \text{Đơn giá bồi thường nhà, đất nơi cũ}}{\text{Đơn giá nhà, đất thực tế nơi bố trí}}$$

a1) Trường hợp diện tích nhà bố trí lại lớn hơn diện tích tiêu chuẩn được hưởng, thì phần giá trị chênh lệch lớn hơn này, người được bố trí phải thanh toán cho nhà đầu tư như sau:

- Trường hợp diện tích tiêu chuẩn được hưởng nhỏ hơn $30\text{m}^2/\text{hộ}$, thì nhà đầu tư bố trí thêm để bằng $30\text{m}^2/\text{hộ}$ và người bố trí không phải trả tiền đối với phần diện tích này; phần diện tích chênh lệch còn lại (nếu có) người được bố trí phải thanh toán cho nhà đầu tư với mức giá sát với giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường;

- Trường hợp diện tích tiêu chuẩn được hưởng lớn hơn $30\text{m}^2/\text{hộ}$, người được bố trí phải thanh toán cho nhà đầu tư phần chênh lệch giữa diện tích tái bố trí và diện tích tiêu chuẩn được hưởng theo mức giá sát với giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường.

a2) Trường hợp diện tích nhà bố trí nhỏ hơn diện tích tiêu chuẩn được hưởng, thì phần giá trị chênh lệch này chủ đầu tư phải thanh toán cho người dân theo mức giá bồi thường tại vị trí thu hồi.

b) Đối với nhà ở thuộc diện mua trả góp và nhà ở đang thuê thuộc sở hữu nhà nước: người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước bị thu hồi được thuê nhà ở tại nơi tái định cư (theo sự sắp xếp của Ủy ban nhân dân quận - huyện và Hội đồng Bồi thường của dự án); diện tích thuê mới tại nơi tái định cư được xác định theo công thức nêu tại điểm a khoản này và phù hợp với thiết kế căn hộ chung cư được bố trí; được mua, được thuê nhà theo quy định của Chính phủ về nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.

3. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt giá bán sát với giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, để Hội đồng Bồi thường của dự án tổ chức thực hiện.

Điều 4. Bồi thường bằng nhà ở trong phạm vi dự án nếu có (sau khi cải tạo, xây dựng lại)

1. Việc bồi thường bằng nhà ở trong phạm vi dự án nếu có (sau khi cải tạo, xây dựng lại) cũng được thực hiện theo nguyên tắc tại khoản 1 Điều 3 của Quyết định này.

2. Trong thời gian chờ bố trí nhà ở mới, các hộ dân được bố trí tạm cư (nếu có quỹ nhà) hoặc hỗ trợ chi phí tạm cư theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 5. Các khoản hỗ trợ khác

1. Trường hợp hộ gia đình đông người (từ 08 nhân khẩu trở lên) và có nhu cầu mua thêm căn hộ, thì chủ đầu tư dự án có trách nhiệm ưu tiên xem xét, giải quyết bán thêm căn hộ khác trong cùng dự án theo giá sát với giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường (giá kinh doanh).

2. Đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc diện tái định cư không phải nộp lệ phí trước bạ khi cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở (theo quy định tại điểm c khoản 4 Mục II Nghị quyết số 34/2007/NQ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ).

3. Trường hợp đặc biệt các hộ thuộc diện nghèo và chính sách, được Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn xác nhận, phân diện tích phải trả tiền được Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét cho phép trả góp trong 15 năm. Trường hợp các hộ gia đình này không có khả năng trả góp và không có nhu cầu tái định cư thì thực hiện phương thức bồi thường bằng tiền theo quy định và được Ủy ban nhân dân thành phố tạo điều kiện các hộ được thuê hoặc thuê mua nhà ở thuộc quỹ nhà ở xã hội (nếu có) của thành phố.

Điều 6. Quyền lợi của nhà đầu tư sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách

1. Nhà đầu tư dự án (kể cả nhà đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước) được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với toàn bộ diện tích đất được giao (hoặc thuê) để thực hiện dự án (kể cả phân diện tích được phép chuyển mục đích sử dụng đất trong phạm vi dự án theo phương án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt) theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nhà đầu tư dự án cải tạo xây dựng lại các chung cư cũ bị hư hỏng, xuống cấp được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm, kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo; đối với diện tích nhà ở phục vụ tái định cư tại chỗ không thuộc diện phải nộp thuế giá trị gia tăng.

Điều 7. Nghĩa vụ của nhà đầu tư sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách

1. Trường hợp thực hiện phương thức bồi thường bằng tiền, thì sau khi tính bồi thường, hỗ trợ cho người đang thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định (hỗ trợ bằng 60% giá trị nhà, đất), phần giá trị còn lại (40% giá trị nhà, đất) nhà đầu tư phải nộp vào ngân sách thành phố theo quy định; trường hợp người đang thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước không đủ điều kiện để tính hỗ trợ, thì toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ về nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước nhà đầu tư nộp vào ngân sách thành phố theo quy định.

Riêng đối với nhà ở thuộc diện mua trả góp, thì nhà đầu tư có thể thỏa thuận với người dân để ứng trước tiền để nộp ngân sách thành phố phần tiền người dân còn nợ nhà nước; số tiền nhà đầu tư ứng trước này được khấu trừ vào tiền bồi thường, hỗ trợ của từng hộ dân được nhận (sau khi đã nộp đủ tiền thì được tính bồi thường, hỗ trợ theo diện nhà ở thuộc sở hữu tư nhân).

2. Trường hợp thực hiện phương thức bồi thường bằng nhà ở khác:

a) Trường hợp bồi thường bằng nhà ở trong phạm vi dự án hoặc căn hộ khác trên địa bàn quận bị thu hồi có giá trị tương đương với vị trí giải tỏa: đối với nhà ở thuộc diện mua trả góp và nhà ở đang thuê thuộc sở hữu nhà nước, nhà đầu tư phải giao lại cho Nhà nước bằng với số lượng nhà và diện tích tương ứng tại vị trí giải tỏa.

Trường hợp diện tích nhà ở mới nhà đầu tư giao lại cho Nhà nước lớn hơn diện tích nhà ở nơi cũ, thì phần diện tích chênh lệch này ngân sách nhà nước (sử dụng từ nguồn bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước đã nộp ngân sách) sẽ thanh toán cho chủ đầu tư theo suất vốn đầu tư được phê duyệt cộng với lãi định mức theo quy định.

b) Trường hợp bố trí lại căn hộ khác trên địa bàn các quận, huyện có giá trị căn hộ thấp hơn vị trí giải tỏa: đối với nhà ở thuộc diện mua trả góp và nhà ở đang thuê thuộc sở hữu nhà nước, nhà đầu tư phải giao lại cho Nhà nước với diện tích nhà ở được xác định theo công thức quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 của Quyết định này.

Trường hợp diện tích nhà ở mới nhà đầu tư giao lại cho Nhà nước lớn hơn diện tích quy đổi theo giá trị, thì phần diện tích chênh lệch này ngân sách nhà nước (sử dụng từ nguồn bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước đã nộp ngân sách) sẽ thanh toán cho chủ đầu tư theo suất vốn đầu tư được phê duyệt cộng với lãi định mức theo quy định.

c) Giao Ủy ban nhân dân quận - huyện tiếp nhận, quản lý và bố trí quỹ nhà nêu tại điểm a, điểm b khoản này cho người bị thu hồi và thực hiện bán hoặc cho thuê nhà theo quy định của Chính phủ về nhà ở thuộc sở hữu nhà nước. Trường hợp thực hiện bán nhà cho người bị thu hồi thì phần diện tích tăng thêm người dân phải mua theo giá bảo toàn vốn.

3. Các công trình hạ tầng xã hội hiện có như nhà trẻ, trường học, trạm y tế và các công trình khác thuộc khu vực dự án, nếu phải phá dỡ thì chủ đầu tư dự án có trách nhiệm hoàn trả cho chủ sở hữu công trình mới phù hợp với quy hoạch chi tiết khu vực, theo tiêu chuẩn do Nhà nước quy định.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Dự án cải tạo xây dựng lại các chung cư cũ bị hư hỏng, xuống cấp thuộc dự án chỉnh trang đô thị: Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện việc thu hồi đất và giao đất cho các chủ đầu tư thực hiện dự án; xem xét cho phép chủ đầu tư dự án được

chuyển mục đích sử dụng một phần diện tích đất để phục vụ nhu cầu kinh doanh dịch vụ trên cơ sở đảm bảo phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt.

2. Việc cải tạo, xây dựng lại các chung cư cũ được thực hiện theo nguyên tắc xã hội hóa, khai thác lợi ích từ dự án để tự cân đối về tài chính và đáp ứng đủ quỹ nhà ở để phục vụ nhu cầu tái định cư, hạn chế việc đầu tư từ ngân sách, đảm bảo hài hòa lợi ích của người sử dụng nhà ở, lợi ích của nhà đầu tư.

3. Trường hợp đặc biệt đối với các chung cư cũ bị hư hỏng, xuống cấp ở cấp độ nguy hiểm, có nguy cơ sụp đổ và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về kiểm định chất lượng công trình xây dựng yêu cầu phải phá dỡ khẩn cấp, nếu chưa xác định được chủ đầu tư dự án thì Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm tổ chức di chuyển ngay các hộ đang sử dụng đến tạm cư tại quỹ nhà của quận - huyện và thành phố để đảm bảo an toàn về tính mạng và tài sản cho người dân. Việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

4. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu có vướng mắc, phát sinh ngoài thẩm quyền thì Ủy ban nhân dân quận - huyện có văn bản báo cáo, đề xuất gửi các Sở chuyên ngành để được hướng dẫn thực hiện. Trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo, đề xuất gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười (10) ngày, kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Công văn số 2937/UB-ĐB ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về chính sách bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi di dời các hộ dân đang cư ngụ trong các chung cư hư hỏng nặng có nguy cơ sụp trên địa bàn thành phố.

2. Các quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư không quy định tại Quyết định này, thì áp dụng theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố.

3. Đối với những dự án đã thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; những dự án đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt trước khi ban hành Quyết định này, thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo quy định của Quyết định này.

Điều 10. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 74/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý và sử dụng lòng đường,
via hè trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 13/2005/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2005 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 564/SGTVT-GT ngày 16 tháng 9 năm 2008, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 2764/STP-VB ngày 05 tháng 9 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý và sử dụng lòng đường, via hè trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý và sử dụng lòng đường, vỉa hè trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 74/2008/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy định này nhằm quản lý việc sử dụng một phần công năng của lòng đường và vỉa hè trên các tuyến đường giao thông bộ thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh được hiệu quả, đúng mục đích; bảo đảm an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về việc quản lý, sử dụng và thủ tục cấp phép sử dụng một phần công năng lòng đường, vỉa hè tại các tuyến đường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong việc quản lý và sử dụng một phần lòng đường, vỉa hè.

2. Quy định này không áp dụng đối với các khu vực tổ chức phố đi bộ, phố ẩm thực, chợ đêm và các tuyến đường không có vỉa hè dọc hai bên.

3. Đối với hoạt động đào lòng đường và vỉa hè để xây dựng, lắp đặt, sửa chữa các công trình ngầm, công trình bên trên vỉa hè thì phải thực hiện theo các quy định đối với công tác đào và tái lập mặt đường hiện hành.

4. Việc xây dựng, lắp đặt mái che mưa, che nắng; lắp đặt biển chỉ dẫn giao thông, bảng quảng cáo; bố trí trồng cây xanh; lắp đặt nhà chờ xe buýt, thùng rác công cộng trên vỉa hè thì phải thực hiện theo các quy định của Quy chuẩn xây dựng và quy định khác về thiết kế vỉa hè, bảo đảm mỹ quan đô thị, không cản trở và không ảnh hưởng đến an toàn giao thông đô thị.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện các công việc sau đây:

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý lòng đường và vỉa hè trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
2. Các tổ chức, cá nhân sử dụng tạm thời một phần lòng đường và vỉa hè trên các tuyến đường giao thông bộ thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý và sử dụng

1. Việc sử dụng tạm thời một phần công năng lòng đường và vỉa hè vào các mục đích ngoài giao thông phải được cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp phép.
2. Mọi tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng tạm thời lòng đường và vỉa hè ngoài mục đích giao thông đều phải xin cấp phép sử dụng trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định trong giấy phép. Đồng thời phải bố trí lối đi thuận tiện, an toàn cho người đi bộ và phương tiện giao thông.
3. Việc cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường và vỉa hè chỉ có giá trị trong khoảng thời gian quy định.
4. Trong trường hợp cần sửa chữa, tăng cường công trình đường bộ ngoài kế hoạch bảo trì đường bộ đã có hoặc sửa chữa, khôi phục công trình đường bộ bị hư hại do việc tổ chức các hoạt động xã hội, chi phí cho các công việc này được tính trong kinh phí tổ chức các hoạt động xã hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được giải thích như sau:

1. *Lòng đường* là bộ phận của đường đô thị, được giới hạn bởi phía trong hai bên bó vỉa, có thể bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị dọc tuyến khi cần thiết.
2. *Vỉa hè* (còn được gọi là hè, hè phố, hè đường) là bộ phận của đường đô thị dành cho người đi bộ trong đô thị và là nơi bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị dọc tuyến.
3. *Sử dụng tạm thời một phần công năng lòng đường và vỉa hè* trong Quy định này là các hoạt động liên quan đến sử dụng tạm thời một phần bên trên bề mặt lòng đường và vỉa hè trong phạm vi cho phép.

4. *Hoạt động phục vụ thi công xây dựng, sửa chữa công trình* là các hoạt động rào chắn xung quanh khu vực thi công nhằm đảm bảo an toàn lao động; các hoạt động tập kết, trung chuyển vật liệu và vật liệu phế thải để phục vụ công tác xây dựng, sửa chữa công trình.

5. *Hoạt động trông giữ xe công cộng có thu phí* là các hoạt động liên quan đến việc tổ chức giữ xe tại các vị trí, địa điểm được cấp có thẩm quyền quy định và cấp phép.

6. *Hoạt động xã hội* là các hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội trên đường bộ nhằm phục vụ cộng đồng, chào mừng lễ hội sự kiện lớn.

7. *Các công trình ngầm* là các công trình ngành điện, viễn thông, chiếu sáng, cấp nước, thoát nước, cấp ga, hầm kỹ thuật tuynel được đặt dưới lòng đường và vỉa hè.

8. *Công trình bên trên vỉa hè* là các công trình nổi bao gồm: trụ điện, cột đèn chiếu sáng, tủ cáp điện thoại, trạm biến áp, trụ cứu hỏa, kiot, buồng điện thoại công cộng, biển báo giao thông, nhà chờ xe buýt, biển báo thông tin, biển quảng cáo, thùng đựng rác.

9. *Cơ quan quản lý hạ tầng giao thông kỹ thuật* là các Khu Quản lý giao thông đô thị; Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Ban Quản lý các khu đô thị; Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp; các doanh nghiệp được giao nhiệm vụ quản lý hạ tầng giao thông kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CẤP PHÉP VÀ SỬ DỤNG VỈA HÈ

Điều 6. Các trường hợp sử dụng vỉa hè

1. Hoạt động tổ chức tiệc cưới, tang lễ:

a) Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng tạm thời một phần vỉa hè phục vụ cho việc cưới, việc tang cần thông báo với Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi cư trú (không phải cấp phép).

b) Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn và giám sát các hộ gia đình, cá nhân việc sử dụng tạm thời một phần vỉa hè cho việc cưới, việc tang để không ảnh hưởng lối đi cho người đi bộ và mỹ quan đô thị.

2. Hoạt động phục vụ thi công xây dựng, sửa chữa công trình:

Ủy ban nhân dân các quận, huyện chỉ xem xét việc cấp phép sử dụng tạm thời vỉa hè cho hoạt động phục vụ thi công xây dựng, sửa chữa công trình trên nguyên tắc

không gây cản trở giao thông cho người đi bộ, đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh và mỹ quan đô thị.

Trong trường hợp việc tập kết vật liệu xây dựng đòi hỏi mặt bằng lớn, vượt quá phạm vi cho phép sử dụng tạm thời vỉa hè, cơ quan có thẩm quyền có thể xem xét việc cấp phép sử dụng tạm thời toàn bộ vỉa hè để phục vụ hoạt động trên. Tuy nhiên, thời gian cho phép chỉ được thực hiện từ 21 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, sau đó phải trả lại nguyên trạng vỉa hè. Tổ chức, cá nhân được cấp phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè không được tự ý đào bới, xây dựng làm biến dạng lòng đường và vỉa hè.

3. Hoạt động trông giữ xe công cộng có thu phí:

Cơ quan có thẩm quyền chỉ xem xét việc cấp phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè làm bãi giữ xe đạp, xe mô tô có thu phí tại các vị trí, địa điểm nằm trong danh mục khu vực, tuyến đường đã được Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Sở Giao thông vận tải và Công an thành phố thống nhất sắp xếp, tổ chức làm bãi giữ xe trên vỉa hè. Danh mục này phải được Ủy ban nhân dân thành phố thông qua.

Các điểm trông giữ xe công cộng trên vỉa hè có thu phí phải bảo đảm thuận lợi cho người đi bộ, vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và không ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường của hộ gia đình và cá nhân có quyền sử dụng hợp pháp nhà, công trình xây dựng dọc tuyến đường đó.

4. Hoạt động phục vụ việc kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa:

Việc cấp phép sử dụng tạm thời vỉa hè vào việc kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa chỉ áp dụng tại các tuyến đường nằm trong danh mục công trình và tuyến đường đặc thù được phép sử dụng vỉa hè vào kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa. Ủy ban nhân dân các quận, huyện lập danh mục này, gửi Sở Giao thông vận tải thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

5. Hoạt động xã hội:

Việc cấp phép sử dụng tạm thời vỉa hè đối với hoạt động này được xem xét trên nguyên tắc không gây cản trở giao thông cho người đi bộ, đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh và mỹ quan đô thị. Trong trường hợp hoạt động này được tiến hành trên mặt bằng rộng (bao gồm cả một phần lòng đường) thì cần có sự đồng ý của Ủy ban nhân dân thành phố. Cơ quan, tổ chức tiến hành hoạt động xã hội phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền thống nhất bằng văn bản về phương án đảm bảo giao thông trước khi tiến hành tổ chức các hoạt động xã hội theo quy định của pháp luật.

6. Hoạt động để xe 2 bánh tự quản trước cửa nhà:

Cho phép Ủy ban nhân dân các quận, huyện nghiên cứu ban hành danh mục các tuyến đường có điều kiện vỉa hè rộng rãi thuộc phạm vi địa bàn quản lý để dành một phần vỉa hè hạn chế trên các tuyến đường này cho nhân dân để xe 2 bánh tự quản trước cửa nhà (chỉ phục vụ cho xe của gia đình và xe của khách hàng).

Điều 7. Thủ tục cấp phép

1. Hồ sơ xin cấp phép sử dụng tạm thời vỉa hè: thành phần hồ sơ gồm một (01) bộ.

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tạm thời của tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng một phần vỉa hè theo Phụ lục 1 kèm theo Quy định này.

b) Bản vẽ vị trí mặt bằng đề nghị cấp phép của tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng tạm thời một phần vỉa hè (có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn đối với các trường hợp yêu cầu xin phép tại khoản 2 Điều 6 Quy định này). Bản vẽ phải thể hiện rõ vị trí sử dụng, kích thước sử dụng theo Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

c) Văn bản pháp lý khác (nếu có) liên quan đến nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin cấp phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè.

Trường hợp thi công xây dựng, sửa chữa công trình thì yêu cầu phải có bản sao giấy phép xây dựng hoặc sửa chữa do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm cấp phép sử dụng vỉa hè cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 6 Quy định này với thành phần hồ sơ nêu ở khoản 1 và theo mẫu giấy phép tại Phụ lục 3 kèm theo Quy định này.

3. Thời gian giải quyết:

Kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền cấp phép nhận đủ hồ sơ hợp lệ, việc cấp phép sử dụng phải được thực hiện trong thời gian:

- 05 (năm) ngày làm việc đối với các trường hợp yêu cầu xin phép tại khoản 2 Điều 6 Quy định này.

- 10 (mười) ngày làm việc đối với các trường hợp yêu cầu xin phép tại khoản 3, 4, 5 Điều 6 Quy định này.

Trường hợp không giải quyết việc cấp phép sử dụng tạm thời vỉa hè, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức, cá nhân xin cấp phép để biết.

4. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép sử dụng một phần công năng của vỉa hè có trách nhiệm gửi 01 bản giấy phép cho Thanh tra Sở Giao thông vận tải, 01 bản cho Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn (địa bàn nơi tổ chức, cá nhân xin cấp phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè), 01 bản cho Thanh tra Xây dựng địa phương và 01 bản cho tổ chức, cá nhân xin cấp phép.

5. Đối với việc sử dụng tạm thời vỉa hè, thời hạn cấp phép tương ứng với thời gian xin phép sử dụng và không quá 6 tháng cho mỗi lần cấp phép.

Điều 8. Gia hạn giấy phép

1. Trước thời điểm hết hạn của giấy phép 15 ngày, các tổ chức cá nhân phải làm thủ tục xin gia hạn giấy phép. Thời gian gia hạn của giấy phép bằng với thời gian cấp phép sử dụng trước đó và chỉ áp dụng một lần. Sau thời gian gia hạn này, tổ chức và cá nhân tiếp tục có nhu cầu sử dụng tạm thời vỉa hè thì phải tiến hành xin cấp phép mới.

2. Thủ tục xin gia hạn bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép sử dụng tạm thời của tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng một phần vỉa hè (không kèm bản vẽ) theo Phụ lục 4 kèm theo Quy định này.

b) Giấy phép cũ (bản chính).

3. Thời gian giải quyết: không quá 05 (năm) ngày làm việc đối với tất cả các trường hợp.

4. Cơ quan gia hạn giấy phép có trách nhiệm thông báo bằng văn bản việc gia hạn giấy phép đến Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn (địa bàn nơi tổ chức, cá nhân xin cấp phép), Thanh tra Xây dựng địa phương để biết và theo dõi.

Điều 9. Phạm vi vỉa hè được sử dụng

1. Đối với vỉa hè có bề rộng trên 3m, phạm vi cho phép sử dụng tạm thời ngoài mục đích giao thông có bề rộng lớn nhất là 1,5m tính từ mép tiếp giáp nhà bên trong vỉa hè (hoặc từ mốc chỉ giới đường) trở ra hoặc từ mép bó vỉa trở vào. Việc xác định tiêu chí cho phép sử dụng tạm thời vỉa hè phải đảm bảo trật tự, ngăn nắp trên suốt chiều dài từng đoạn tuyến hoặc suốt tuyến đường.

Trong trường hợp sử dụng vỉa hè để xây dựng, lắp đặt, sửa chữa các công trình ngầm và công trình bên trên, phạm vi vỉa hè được cấp phép sử dụng tạm thời phải

đảm bảo bề rộng phần vỉa hè còn lại không nhỏ hơn 1m để đảm bảo lưu thông cho người đi bộ.

2. Đối với vỉa hè có bề rộng nhỏ hơn 3m, việc cấp phép sử dụng ngoài mục đích giao thông chỉ được xem xét đối với các hoạt động quy định tại khoản 1, 2, 5 thuộc Điều 6 Quy định này, đồng thời phải đảm bảo lưu thông cho người đi bộ.

3. Khu vực vỉa hè được cấp phép sử dụng tạm thời phải đảm bảo không chắn ngang lối ra vào đường hẻm; không nằm trước mặt tiền của các công trình văn hóa, giáo dục, thể thao, y tế, tôn giáo, cơ quan ngoại giao, công sở...

4. Việc sử dụng vỉa hè phải đảm bảo giữ gìn vệ sinh môi trường, không làm hư hỏng kết cấu vỉa hè, tạo lối đi thông thoáng cho người đi bộ và không ảnh hưởng đến tầm nhìn lưu thông của người sử dụng các phương tiện giao thông.

Chương III

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG LÒNG ĐƯỜNG

Điều 10. Sử dụng lòng đường đô thị làm nơi đậu xe

1. Việc sử dụng lòng đường đô thị làm nơi đậu xe phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Các yêu cầu về chiều rộng lòng đường:

- Đối với đường hai chiều: lòng đường tối thiểu là 10,5m thì cho phép để xe một bên; tối thiểu là 14,0m thì cho phép để xe hai bên.

- Đối với đường một chiều: lòng đường tối thiểu là 7,5m thì cho phép để xe bên phải phần xe chạy.

b) Vị trí cho phép đậu xe dưới lòng đường không chắn ngang lối ra vào đường hẻm, các công trình nhà cao tầng, khu vực siêu thị, chợ và trung tâm thương mại, các công trình văn hóa, giáo dục, thể thao, y tế, tôn giáo, cơ quan ngoại giao, công sở...

c) Việc đậu xe dưới lòng đường không gây cản trở cho các phương tiện giao thông; không gây ảnh hưởng đến sinh hoạt và các hoạt động bình thường của tổ chức, cơ quan, hộ gia đình hai bên đường phố.

2. Khi sử dụng lòng đường đô thị làm nơi để xe công cộng có thu phí thì ưu tiên đối với tổ chức, cơ quan, hộ gia đình và cá nhân có quyền sử dụng hợp pháp nhà, công trình xây dựng dọc tuyến đường đó.

3. Đối với các tuyến đường đủ điều kiện để đậu xe dưới lòng đường có thu phí, Ủy ban nhân dân các quận, huyện phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Công an

thành phố để xác định danh mục các tuyến đường, trình Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận. Sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận các tuyến đường được phép tổ chức đậu xe dưới lòng đường có thu phí, Ủy ban nhân dân các quận, huyện triển khai lắp đặt biển báo, sơn đường cho phép đậu xe có thu phí. Trong thời gian chờ thành lập công ty khai thác các bến bãi, điểm đậu xe của thành phố, giao Ủy ban nhân dân các quận, huyện chỉ đạo tổ chức việc thu phí đậu xe dưới lòng đường.

Điều 11. Sử dụng lòng đường vào các mục đích khác

1. Đối với hoạt động đào lòng đường để xây dựng, lắp đặt, sửa chữa các công trình ngầm, phạm vi thi công phải đảm bảo mặt đường còn lại đủ bố trí 2 làn xe theo 2 chiều khác nhau (đường 2 chiều) hoặc 1 làn xe (đường 1 chiều). Trong trường hợp phạm vi thi công không đảm bảo diện tích mặt đường để bố trí làn xe cho các phương tiện giao thông, đơn vị thi công phải có biển báo lộ trình thay thế đường đi qua khu vực có công trường thi công.

2. Đối với hoạt động xã hội, thời gian chiếm dụng lòng đường không quá 24 giờ và không giới hạn phạm vi lòng đường xin phép sử dụng. Tuy nhiên, cơ quan, tổ chức xin phép sử dụng phải liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thỏa thuận và được hướng dẫn về công tác tổ chức giao thông.

3. Việc sử dụng tạm thời lòng đường phải đảm bảo giữ gìn vệ sinh môi trường, không làm hư hỏng kết cấu mặt đường và không ảnh hưởng đến tầm nhìn lưu thông của người sử dụng các phương tiện giao thông.

Chương IV

QUY ĐỊNH THU PHÍ, XÂY DỰNG, BẢO QUẢN

Điều 12. Về thu phí

1. Phí sử dụng tạm thời lòng đường và vỉa hè được thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Phí sử dụng tạm thời vỉa hè không bao gồm chi phí hoàn trả lại hiện trạng vỉa hè.

3. Việc thu phí sử dụng tạm thời vỉa hè được thực hiện đối với tất cả các trường hợp phải xin cấp phép sử dụng.

Điều 13. Về đầu tư xây dựng, sửa chữa vỉa hè

1. Việc đầu tư xây dựng, sửa chữa vỉa hè phải tuân theo các tiêu chuẩn xây dựng

Việt Nam và tham khảo thiết kế mẫu vỉa hè do Sở Giao thông vận tải ban hành. Việc sử dụng các mẫu bó vỉa, vật liệu xây dựng vỉa hè được tiến hành theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho người đi bộ và thân thiện với môi trường sống.

2. Vỉa hè trên từng tuyến đường phải được thực hiện đồng bộ về kết cấu, thiết kế và đảm bảo thuận lợi cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

3. Đối với các công trình xây dựng dọc các tuyến đường phố, việc đấu nối giao thông phải đảm bảo phần đất dành cho xây dựng vỉa hè dọc theo đường phố không bị chiếm dụng làm đường ra vào. Trong trường hợp đấu nối giao thông trực tiếp từ công trình xây dựng ra đường phố chính, phần vỉa hè ở các lối ra vào vẫn phải được giữ nguyên vật liệu so với thiết kế dọc tuyến, chỉ hạ thấp cao độ theo thiết kế mẫu vỉa hè do Sở Giao thông vận tải ban hành.

4. Kinh phí xây dựng, sửa chữa vỉa hè được lấy từ nguồn thu từ việc cấp phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường, vỉa hè được để lại cho ngân sách các quận; kinh phí đầu tư dự án đối với vỉa hè xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo vỉa hè; nguồn tài chính cho quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên hàng năm đối với vỉa hè đã được đầu tư xây dựng trước đó và đưa vào sử dụng sau đó.

5. Khuyến khích mọi hình thức xã hội hóa việc đầu tư xây dựng, sửa chữa vỉa hè. Tổ chức, cá nhân được phép tự tiến hành xây dựng, sửa chữa vỉa hè bằng nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân quận, huyện về mẫu thiết kế vỉa hè và thủ tục tiến hành.

Điều 14. Về bảo quản lòng đường, vỉa hè

1. Nghiêm cấm các hoạt động ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị, vệ sinh môi trường trên bề mặt lòng đường và vỉa hè, bao gồm:

a) Sử dụng vỉa hè để phục vụ sinh hoạt ăn uống, vệ sinh của cá nhân, hộ gia đình.

b) Đổ nước sinh hoạt, chất lỏng độc hại, nước thải chứa hóa chất ra lòng đường và vỉa hè.

c) Để phế thải xây dựng, rác, bùn đất, xác súc vật, chất thải súc vật trên bề mặt lòng đường và vỉa hè.

d) Tháo dỡ gạch vỉa hè, đục bỏ bó vỉa tạo dốc từ vỉa hè xuống lòng đường.

đ) Lắp đặt, xây dựng bụi, bệ dắt xe, bậc tam cấp vào nhà và công trình bên đường gây ảnh hưởng đến hoạt động của phương tiện giao thông và người đi bộ; gây mất mỹ quan đô thị và dẫn đến thay đổi kết cấu vỉa hè dọc tuyến đường.

e) Trộn vữa, bê tông, xi măng trực tiếp trên bề mặt lòng đường và vỉa hè.

g) Hợp chợ, kinh doanh dịch vụ ăn uống, bày hàng hóa, để vật liệu không có giấy phép trên lòng đường, vỉa hè.

h) Giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác trên vỉa hè không có giấy phép hoặc không đúng nơi quy định.

i) Đậu xe ô tô trên các tuyến đường không có biển báo giao thông hướng dẫn và cho phép đậu xe dưới lòng đường.

k) Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cơ quan có trụ sở tiếp giáp với vỉa hè phải có trách nhiệm tham gia đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị tại khu vực vỉa hè, lòng đường trước trụ sở tổ chức, cơ quan.

3. Hộ gia đình, cá nhân có nhà riêng tiếp giáp với vỉa hè và không có nhu cầu xin sử dụng tạm thời một phần vỉa hè có trách nhiệm tham gia giữ gìn vệ sinh tại khu vực vỉa hè, lòng đường trước nhà riêng.

4. Tổ chức, cơ quan, hộ gia đình và cá nhân có trách nhiệm không để người khác vi phạm quy định về bảo quản lòng đường và vỉa hè tại khu vực trước trụ sở tổ chức, cơ quan, nhà riêng và thông báo sớm với chính quyền địa phương trong trường hợp xảy ra các vi phạm.

Chương V **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, THỰC HIỆN**

Điều 15. Trách nhiệm các Sở, ban, ngành

1. Sở Giao thông vận tải:

a) Thực hiện trách nhiệm trong công tác phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện về quản lý, bảo trì, nâng cấp và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông công chính.

b) Thống nhất với Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Công an thành phố về danh mục các khu vực, tuyến đường có vị trí, địa điểm được sắp xếp, tổ chức làm bãi giữ xe trên vỉa hè; danh mục các công trình, tuyến đường được phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè vào việc kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa, danh mục các tuyến đường đủ điều kiện đậu xe dưới lòng đường có thu phí. Các danh mục này sẽ được trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện theo phân cấp quản lý và Công an thành phố, trên cơ sở chiều rộng mặt cắt đường, loại đường phố, tính chất đường phố, khả năng thông xe... để ban hành danh mục tuyến đường cho phép đậu xe dưới lòng đường.

d) Chỉ đạo Thanh tra Sở Giao thông vận tải phối hợp với Công an, Thanh tra Xây dựng và chính quyền địa phương tăng cường kiểm tra giám sát việc sử dụng tạm thời một phần vỉa hè ngoài mục đích giao thông; kiên quyết xử lý đối với tình trạng vi phạm; đảm bảo trật tự an toàn giao thông, vệ sinh môi trường tại khu vực được cấp phép sử dụng.

đ) Ban hành thiết kế mẫu vỉa hè và quy chế xây dựng vỉa hè để áp dụng thống nhất trên toàn thành phố.

e) Phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế thành phố, Sở Tư pháp xây dựng mức thu phí sử dụng lòng đường, vỉa hè báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố thông qua trước ngày 10 tháng 11 năm 2008 để trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định loại phí này.

g) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện đánh giá tổng kết quá trình quản lý và sử dụng thí điểm vỉa hè, lòng đường sau 06 tháng thực hiện; đề xuất kế hoạch thực hiện tiếp theo, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong việc xây dựng mức thu phí sử dụng lòng đường, vỉa hè.

b) Hướng dẫn việc thu và quản lý phí sử dụng tạm thời lòng đường và vỉa hè theo quy định của pháp luật.

3. Công an thành phố:

Chỉ đạo lực lượng cảnh sát giao thông phối hợp với Thanh tra Sở Giao thông vận tải và chính quyền địa phương:

a) Kiểm tra trật tự an toàn giao thông trên lòng đường và vỉa hè thuộc địa bàn phụ trách.

b) Thực hiện xử lý các vi phạm sử dụng lòng đường và vỉa hè theo thẩm quyền quy định.

c) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các quận, huyện về danh mục các khu vực, tuyến đường, các vị trí, địa điểm được sắp xếp, tổ chức làm bãi giữ xe trên vỉa hè, được phép đậu xe dưới lòng đường.

Điều 16. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân các quận, huyện

1. Đề xuất danh mục các khu vực, tuyến đường có vị trí, địa điểm được sắp xếp, tổ chức làm bãi giữ xe trên vỉa hè; danh mục các công trình, tuyến đường được phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè vào việc kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa; danh mục tuyến đường được phép đậu xe dưới lòng đường (bao gồm có thu phí và không thu phí đậu xe) trình cơ quan thẩm quyền quyết định. Triển khai việc lắp đặt biển báo quy định khu vực cho phép đậu xe có thu phí dưới lòng đường.

2. Ban hành danh sách các tuyến đường được phép có hoạt động để xe 2 bánh tự quản trước cửa nhà nhân dân.

3. Thực hiện cấp phép và thu phí sử dụng tạm thời một phần vỉa hè theo quy định đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng tạm thời vỉa hè ngoài mục đích giao thông.

4. Chỉ đạo Công an và Thanh tra Xây dựng quận tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm việc sử dụng tạm thời một phần vỉa hè và lòng đường theo chức năng được quy định.

5. Hướng dẫn thủ tục tiến hành xây dựng, sửa chữa vỉa hè và cung cấp mẫu thiết kế vỉa hè cho các tổ chức, cá nhân muốn xây dựng, sửa chữa vỉa hè bằng nguồn kinh phí của tổ chức, cá nhân này theo thiết kế mẫu vỉa hè do Sở Giao thông vận tải ban hành.

6. Sau 6 tháng, kể từ khi Quy định này có hiệu lực, Ủy ban nhân dân các quận, huyện có báo cáo, đánh giá tổng kết quá trình quản lý và sử dụng thí điểm vỉa hè, lòng đường; đề xuất kế hoạch thực hiện tiếp theo gửi về Sở Giao thông vận tải.

7. Sau 30 ngày, kể từ khi Quy định này có hiệu lực, thực hiện chế độ báo cáo cho Sở Giao thông vận tải về hiện trạng và tình hình đầu tư xây dựng vỉa hè thuộc phạm vi địa bàn quản lý.

Điều 17. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn

1. Tổ chức kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trong sử dụng vỉa hè theo chức năng, thẩm quyền được quy định.

2. Đề xuất cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè ngoài mục đích giao thông đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm thường xuyên việc sử dụng nêu trên.

3. Thực hiện chế độ báo cáo 3 tháng/lần và đột xuất cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện về hiện trạng vỉa hè và tình hình vi phạm hành chính trong sử dụng vỉa hè thuộc phạm vi địa bàn quản lý.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan thông tin đại chúng

1. Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn để mọi tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân thực hiện đúng các quy định về sử dụng lòng đường, vỉa hè.
2. Phổ biến kịp thời các thông tin liên quan đến nếp sống văn minh đô thị, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được cấp phép sử dụng tạm thời vỉa hè

1. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng vỉa hè và các nội dung yêu cầu trong giấy phép.
2. Thực hiện nghĩa vụ đóng phí sử dụng tạm thời vỉa hè trên các tuyến đường được quy định.
3. Đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường khu vực vỉa hè được cấp phép sử dụng tạm thời.

**Chương VI
XỬ LÝ VI PHẠM****Điều 20. Xử lý vi phạm**

1. Việc xử lý các vi phạm đối với việc quản lý và sử dụng lòng đường, vỉa hè được thực hiện thông qua:
 - Các quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị;
 - Các quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, quản lý và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông;
 - Các quy định đảm bảo trật tự công cộng.
2. Cơ quan quản lý và cấp phép sử dụng tạm thời vỉa hè phải tổ chức kỷ luật cá nhân được phân công xem xét hồ sơ cấp phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè không đúng quy định.
3. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định quản lý và sử dụng tạm thời vỉa hè sẽ bị thu hồi giấy phép, được xử lý theo quy định về xử lý vi phạm hành chính và các quy định khác có liên quan.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các sở, ban, ngành liên quan lựa chọn triển khai thí điểm Quy định này trên một số tuyến đường từ đây đến cuối năm 2008, có đánh giá rút kinh nghiệm trước khi triển khai đại trà trên toàn địa bàn kể từ năm 2009.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hay cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố để điều chỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

PHỤ LỤC 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬ DỤNG VỈA HÈ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân quận (huyện)....

Tôi tên là: (hoặc tên Tổ chức).....

Địa chỉ thường trú:

CMND số (đối với cá nhân): do(nơi cấp)..... ngày ... tháng ... năm ...

Điện thoại số:

Xin sử dụng vỉa hè trước, sau hoặc bên hông nhà số:

.....

Lề đường hiện hữu: Chiều dài (phần lề).....m x Chiều rộngm =m²

Kích thước xin sử dụng: chiều dài (phần lề) mét x chiều rộng (chiều ngang nhà)
 m =m²

Thời gian sử dụng :..... tháng, từ ngày đến ngày

Mục đích sử dụng :

.....

(phần cam kết của cá nhân, đơn vị xin sử dụng)

.....

Ngày ... tháng ... năm 200...

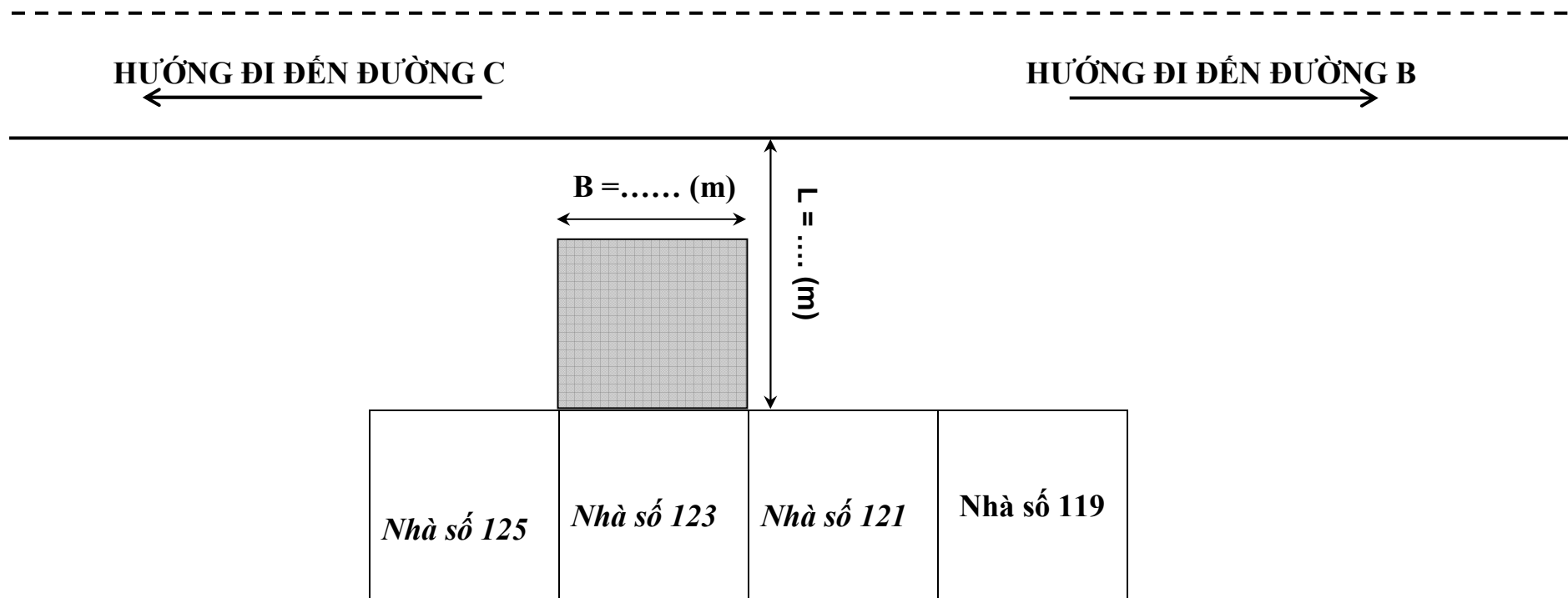
(Ký tên)

Họ tên (hoặc Tổ chức đóng dấu)


MẪU BẢN VẼ XIN PHÉP SỬ DỤNG VỈA HÈ

(Địa chỉ công trình:)

ĐƯỜNG A



GHI CHÚ :

 Vị trí xin phép sử dụng :
Diện tích : $L(m) \times B(m) = S(m^2)$

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY PHÉP

1. Sử dụng đúng mục đích ghi trong giấy phép.
2. Không được sang nhượng và tự ý sửa đổi nội dung đã ghi trong giấy phép, nếu cần thay đổi thì phải xin phép.
3. Khi giấy phép hết hạn, nếu còn nhu cầu sử dụng vỉa hè thì phải làm đơn xin gia hạn.
4. Trường hợp mất giấy phép, phải có đơn có mất để xét cấp lại.
5. Xuất trình giấy phép cho các đoàn kiểm tra quản lý sử dụng vỉa hè hoặc cơ quan Nhà nước quản lý ngành kinh doanh.
6. Phải chấp hành các quy định của Nhà nước về trật tự an toàn, vệ sinh công cộng và quy định sử dụng vỉa hè.

Nếu vi phạm các điều quy định trên, cá nhân và tổ chức xin phép cấp phép sử dụng sẽ bị thu hồi giấy phép và bị xử lý theo quy định.

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN (HUYỆN)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : /GP

GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẠM THỜI VỈA HÈ

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN (HUYỆN) _____

Cho phép : _____

CMND (đối với cá nhân) : _____

Địa chỉ: _____ Đường _____

Phường (xã) _____ Quận (huyện) _____

Được phép tạm thời sử dụng một phần vỉa hè

Vào mục đích : _____

Kích thước, diện tích: _____

Theo đúng vị trí được lập

Tính chất sử dụng: _____

Giờ sử dụng trong ngày : _____ giờ đến _____ giờ

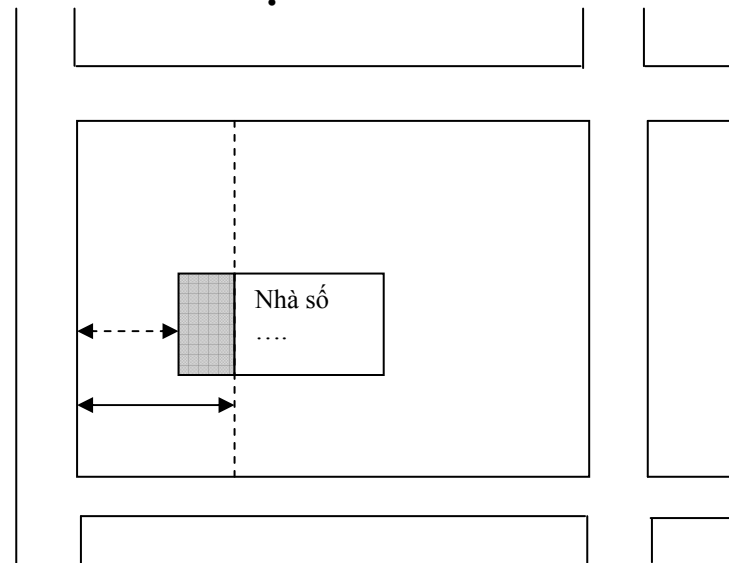
Số ngày (tháng) sử dụng : _____

Giấy phép có giá trị từ ngày _____ đến _____


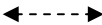

Lệ phí sử dụng : _____

Quận (Huyện) Ngày tháng năm

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CẤP PHÉP



Ghi chú:

-  Khu vực cấp phép sử dụng tạm thời
-  Phạm vi bề rộng vỉa hè còn lại
-  Bề rộng vỉa hè đường.....

GIA HẠN

Lý do:

Đến ngày:

Quận (Huyện), ngày ... tháng ... năm ...

PHỤ LỤC 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP SỬ DỤNG VĨA HÈ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân quận (huyện)....

Tôi tên là: (hoặc tên Tổ chức).....
 Địa chỉ thường trú:
 CMND số (đối với cá nhân): do(nơi cấp)..... ngày ... tháng... năm ..
 Điện thoại số:.....
 Đã được Ủy ban nhân dân quận (huyện) cấp Giấy phép sử dụng vỉa hè số
 với thời gian sử dụng từ ngày đến ngày
 Tại địa chỉ
 Với kích thước sử dụng là: chiều dài (phần lè) ... mét x chiều rộng (chiều ngang nhà)
 m =m²
 Nay do nhu cầu, tôi (hoặc tên Tổ chức) đề nghị Ủy ban nhân dân quận
 (huyện) cho phép tôi được gia hạn giấy phép trên đến ngày
 (phần cam kết của cá nhân, đơn vị xin sử dụng)

Ngày ... tháng ... năm 200...
 (Ký tên)

Đính kèm hồ sơ gồm:

Họ tên (hoặc Tổ chức đóng dấu)

-

QUẬN 9**ỦY BAN NHÂN DÂN**
QUẬN 9**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/2008/QĐ-UBND

Quận 9, ngày 16 tháng 9 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận 9****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế và Trưởng Phòng Nội vụ quận 9,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận 9”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 7 ngày, kể từ ngày ký và bãi bỏ những quyết định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ quận, Trưởng Phòng Kinh tế quận, Thủ trưởng đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**Lê Thị Tám**

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế
thuộc Ủy ban nhân dân quận 9
(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2008/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 9)

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí, chức năng

Phòng Kinh tế là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, chịu sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận, đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc phạm vi Sở - ngành thành phố phụ trách.

Phòng Kinh tế có chức năng quản lý nhà nước về: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; thương mại, dịch vụ; khoa học và công nghệ; đăng ký kinh doanh; thống nhất quản lý kinh tế hợp tác xã, kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân; nông nghiệp; điện năng; nông nghiệp phát triển nông thôn.

Phòng Kinh tế có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu và tài khoản riêng theo quy định.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ

1. Giúp Ủy ban nhân dân quận xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; thương mại, dịch vụ; điện năng; nông nghiệp, phát triển nông thôn; kinh tế tập thể của quận, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của thành phố; đồng thời giúp Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo và quản lý việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

2. Thực hiện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh và cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hợp tác xã.

3. Giúp Ủy ban nhân dân quận hướng dẫn, tổ chức sắp xếp lại các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, phát triển nông thôn, thương mại, dịch vụ theo ngành kinh tế - kỹ thuật thuộc các thành phần kinh tế được phân cấp quản lý.

4. Giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý hành chính nhà nước đối với các đơn vị kinh tế thuộc các thành phần kinh tế trên các lĩnh vực được giao theo phân cấp quản lý.

5. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận trong việc xem xét vị trí đặt trụ sở, chi nhánh của các doanh nghiệp trên cơ sở quy hoạch chung của thành phố do Sở Kế hoạch và Đầu tư yêu cầu.

6. Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực Phòng Kinh tế quản lý cho cán bộ, công chức phường.

7. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về chuyên môn nghiệp vụ được giao.

8. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận trong công tác thẩm định các công trình đầu tư lưới điện và kiểm tra chất lượng các công trình trên địa bàn quận. Thực hiện công tác bảo vệ an toàn hành lang lưới điện cao áp và công tác tiết kiệm trên địa bàn quận.

9. Chịu sự hướng dẫn và quản lý về chuyên môn, nghiệp vụ của các sở - ngành thành phố. Trên cơ sở đó, Phòng Kinh tế cụ thể hóa để hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, kinh doanh thương mại - dịch vụ thuộc quận quản lý.

10. Thực hiện thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và Sở, ngành quản lý. Đồng thời, tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận trả lời, thắc mắc, kiến nghị của công dân thuộc lĩnh vực quản lý và giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền.

11. Phối hợp với Phòng Nội vụ quận giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ chuyên môn thuộc ngành quản lý, theo yêu cầu nhiệm vụ được giao.

12. Quản lý tài chính, tài sản và con dấu của Phòng Kinh tế theo quy định của pháp luật và theo sự phân công của Ủy ban nhân dân quận.

Điều 3. Quyền hạn

1. Triệu tập đại diện Ủy ban nhân dân các phường, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các đơn vị trực thuộc thành phố, Trung ương trú đóng trên địa bàn quận để triển khai, hướng dẫn, phổ biến các chủ trương, chính sách của Nhà nước về lĩnh vực chuyên môn thuộc Phòng quản lý.

2. Ký, đóng dấu các văn bản giao dịch, văn bản hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng; giải quyết, xử lý những vấn đề thuộc phạm vi, thẩm quyền do Ủy ban nhân dân quận phân công.

3. Tham dự các cuộc họp khi được mời ở các ngành, các cấp có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng.

4. Đề xuất với Ủy ban nhân dân quận khen thưởng hoặc xử lý vi phạm đối với các đơn vị kinh tế hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn quận được phân cấp theo thẩm quyền.

5. Ngoài nhiệm vụ và quyền hạn nêu trên, Phòng Kinh tế có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn khác theo sự phân công của Ủy ban nhân dân quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

Chương III TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 4. Tổ chức bộ máy

1. Tổ chức:

- Phòng Kinh tế do Trưởng phòng phụ trách, có từ 01 đến 03 Phó Trưởng phòng và các cán bộ, công chức chuyên môn.

- Trưởng phòng là người chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng; đồng thời chịu trách nhiệm với Giám đốc Sở - ngành về việc thực hiện các mặt công tác chuyên môn, nghiệp vụ thuộc phạm vi các Sở này quản lý.

- Phó Trưởng phòng là người giúp cho Trưởng phòng chỉ đạo một số mặt công tác (theo sự phân công cụ thể của Trưởng phòng) và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và liên đới chịu trách nhiệm trước cấp trên về nhiệm vụ đã được phân công. Khi vắng mặt, Trưởng phòng ủy nhiệm một Phó Trưởng phòng điều hành hoạt động của cơ quan.

- Các Phó Trưởng phòng được ký và đóng dấu của Phòng đối với những công việc mà Trưởng phòng phân công phụ trách cụ thể.

- Cán bộ, công chức chuyên môn được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

- Việc bổ nhiệm, điều động, khen thưởng, luân chuyển, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Hoạt động:

Phòng Kinh tế phân công các cán bộ, công chức theo dõi và thực hiện các mặt công tác sau:

- Công tác quản lý lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp;
- Công tác quản lý lĩnh vực thương mại - dịch vụ;
- Công tác quản lý lĩnh vực điện năng, khoa học và công nghệ;
- Công tác quản lý lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn;
- Bộ phận quản lý cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Bộ phận kiểm tra, quản lý nhà nước sau đăng ký kinh doanh;
- Bộ phận kế toán, hành chính, tổng hợp, thanh tra, pháp chế.

Điều 5. Biên chế

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ để xác định chức danh cán bộ, công chức và số lượng biên chế phù hợp. Biên chế của Phòng Kinh tế do Ủy ban nhân dân quận quyết định trong phạm vi chỉ tiêu biên chế quản lý nhà nước của Quận được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Chế độ làm việc và hội họp

1. Chế độ làm việc:

- Thực hiện theo quy định chung của Nhà nước.
- Phòng Kinh tế làm việc theo chế độ thủ trưởng.

- Trưởng phòng phụ trách, điều hành các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

- Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

- Cán bộ, công chức của Phòng đều có chức danh, nhiệm vụ cụ thể, lãnh đạo Phòng có bảng tên và chức vụ đặt tại bàn làm việc. Cán bộ, công chức phải mặc trang phục và đeo bảng tên theo quy định.

- Công chức của Phòng phải có thái độ, phong cách làm việc lịch sự, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp, cũng như khách đến liên hệ công tác. Đồng thời chịu sự phân công nhiệm vụ của Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng; khi thực hiện nhiệm vụ xong phải có báo cáo công việc đối với những phần việc được giao.

2. Chế độ hội họp:

- Phòng Kinh tế quận hàng tuần họp giao ban lãnh đạo Phòng, hàng tháng họp giao ban Phòng một lần để kiểm điểm tình hình thực hiện công tác trong tháng qua và đề ra công tác cho tháng tiếp theo, đồng thời phổ biến các chủ trương, chính sách, chế độ mới của Nhà nước và nhiệm vụ mới phát sinh ở địa phương.

- Ngoài ra Phòng có thể tổ chức họp đột xuất để triển khai các công việc cần thiết và cấp bách theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân quận.

- Hàng tháng, quý, 6 tháng và cuối năm Phòng cáo cáo sơ, tổng kết công tác theo quy định.

Điều 7. Quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Phòng Kinh tế quận chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân quận. Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ thị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và phải thường xuyên báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về kết quả việc thực hiện những mặt công tác đã được phân công.

Trường hợp Hội đồng nhân dân quận có yêu cầu, nếu được sự ủy nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thì Trưởng phòng báo cáo hoặc giải trình những vấn đề có liên quan trong kỳ họp Hội đồng nhân dân quận.

2. Đối với Sở - ngành thành phố:

Phòng Kinh tế chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ các mặt công tác do sở, ban, ngành thành phố quản lý, đồng thời thực hiện và báo cáo công tác chuyên môn theo yêu cầu của lãnh đạo sở, ban, ngành thành phố.

3. Đối với các phòng - ban chuyên môn khác:

Thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp và hợp tác bình đẳng trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định.

Khi phối hợp thực hiện giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách, nếu chưa nhất trí với các phòng chuyên môn khác, Trưởng Phòng Kinh tế chủ động tập hợp các ý kiến và trình Ủy ban nhân dân quận quyết định.

4. Đối với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và tổ chức xã hội quận:

Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng Phòng Kinh tế chủ động tập hợp các ý kiến và trình Ủy ban nhân dân quận quyết định.

5. Đối với Ủy ban nhân dân phường:

Phòng Kinh tế quận không phải là cơ quan cấp trên của Ủy ban nhân dân phường nhưng về chuyên môn nghiệp vụ, Phòng có trách nhiệm:

Hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường về chức năng, nhiệm vụ, nội dung công tác quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực công tác ở địa phương cho cán bộ phụ trách của Ủy ban nhân dân phường.

Thực hiện chế độ thanh, kiểm tra ngành ở phường khi Ủy ban nhân dân quận yêu cầu.

Cung cấp cho Ủy ban nhân dân phường về tài liệu, thông tin cần thiết cho việc thực hiện nhiệm vụ của ngành tại địa phương.

Ủy ban nhân dân phường thực hiện theo sự hướng dẫn của Phòng Kinh tế quận, nếu có vấn đề nào chưa thống nhất thì báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét giải quyết.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Trưởng Phòng Kinh tế và Thủ trưởng các cơ quan liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này sau khi được Ủy ban nhân dân quận quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc thì đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp.

Điều 9. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ Quy chế này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ký ban hành mới có giá trị./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Thị Tám

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/2008/QĐ-UBND

Quận 9, ngày 16 tháng 9 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 9

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2008/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14 tháng 7 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo và Trưởng Phòng Nội vụ quận 9,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 9”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 7 ngày, kể từ ngày ký và bãi bỏ những quyết định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ quận, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, Thủ trưởng đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thị Tám

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân quận 9

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 9)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

Phòng Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận, đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn và nghiệp vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Phòng Giáo dục và Đào tạo có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, bao gồm: mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục và đào tạo; tiêu chuẩn nhà giáo và tiêu chuẩn cán bộ quản lý giáo dục; tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ, bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo.

Phòng Giáo dục và Đào tạo có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu và tài khoản riêng theo quy định.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân quận:

a) Dự thảo văn bản hướng dẫn thực hiện cơ chế chính sách, pháp luật, các quy

định của Ủy ban nhân dân thành phố về hoạt động giáo dục trên địa bàn;

b) Dự thảo quyết định, chỉ thị, kế hoạch 5 năm, hàng năm và chương trình nội dung cải cách hành chính nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn;

c) Dự thảo quy hoạch mạng lưới các trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học (trừ cấp trung học phổ thông), trường tiểu học, cơ sở giáo dục mầm non và trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo;

d) Dự thảo các quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, đình chỉ hoạt động, giải thể các cơ sở giáo dục công lập, gồm: các trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học (trừ cấp trung học phổ thông), trường tiểu học, cơ sở giáo dục mầm non; cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, giải thể các trường các cơ sở giáo dục ngoài công lập thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận theo quy định pháp luật.

2. Hướng dẫn và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch phát triển giáo dục ở địa phương sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và thông tin về giáo dục; chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục trên địa bàn; thực hiện mục tiêu, chương trình nội dung, kế hoạch, chuyên môn, nghiệp vụ, các hoạt động giáo dục, phổ cập giáo dục; công tác tuyển sinh, thi cử, xét duyệt, cấp phát văn bằng, chứng chỉ đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn.

3. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của quận sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Tổ chức ứng dụng các kinh nghiệm, thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến trong giáo dục, tổng kết kinh nghiệm, sáng kiến của địa phương.

5. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra và tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn; xây dựng và nhân điển hình tiên tiến về giáo dục trên địa bàn quận.

6. Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc phạm vi quản lý của quận xây dựng kế hoạch biên chế; tổng hợp biên chế của các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý của quận, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

7. Giúp Ủy ban nhân dân quận hướng dẫn kiểm tra, thanh tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức, biên chế, tài chính các cơ sở

giáo dục và đào tạo công lập theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định của pháp luật.

8. Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch lập dự toán và phân bổ ngân sách giáo dục, dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia hàng năm về giáo dục của quận theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tài chính.

9. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền việc thực hiện chính sách, pháp luật, kế hoạch, chương trình, đề án và các quy định của cấp có thẩm quyền trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân về lĩnh vực giáo dục thuộc thẩm quyền; thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo quy định của pháp luật.

10. Quản lý biên chế, thực hiện tuyển dụng, hợp đồng làm việc, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện chế độ, chính sách, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Phòng theo quy định của pháp luật và ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận.

11. Quản lý tài chính, tài sản, cơ sở vật chất được giao theo quy định của pháp luật và ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận.

12. Thực hiện công tác báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân quận và Sở Giáo dục và Đào tạo.

13. Thực hiện những nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phân công và theo quy định của pháp luật.

Chương III **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ**

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo có 01 Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

a) Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng.

b) Các Phó Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công.

c) Việc bổ nhiệm Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và theo quy định của pháp luật. Việc miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức sự nghiệp giáo dục ở quận gồm: trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học (trừ cấp trung học phổ thông), trường tiểu học, trường phổ thông dân tộc bán trú (nếu có), cơ sở giáo dục mầm non, trường bồi dưỡng nghiệp vụ giáo dục quận, trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp quận.

3. Tổ chức sự nghiệp giáo dục do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành lập hoặc cho phép thành lập và giao quận trực tiếp quản lý bằng văn bản: một số trường trung học phổ thông có nhiều cấp học (trong đó, có cấp trung học phổ thông) và Trung tâm Giáo dục thường xuyên quận.

4. Việc thành lập, sáp nhập, giải thể, chia tách, tổ chức lại các tổ chức sự nghiệp giáo dục công lập ở quận do Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức hoạt động

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, Phòng Giáo dục và Đào tạo được tổ chức thành các bộ phận gồm những công chức được phân công phụ trách trên các lĩnh vực công tác sau:

- Tổ chức quản lý khối mẫu giáo, mầm non;
- Tổ chức quản lý khối tiểu học;
- Tổ chức quản lý khối trung học cơ sở và các đơn vị trực thuộc;
- Tổ chỉ đạo nghiệp vụ và thanh tra giáo dục;
- Tổ công tác tổ chức - cán bộ;
- Tổ hành chính - tổng hợp - kế hoạch - văn thư.

Căn cứ khối lượng công việc và tình hình nhân sự cụ thể của Phòng, mỗi mặt công tác cần được cụ thể hóa thành những nhiệm vụ chi tiết, những công việc, phần việc cụ thể, rõ ràng để xác định chức danh của cán bộ - công chức và số lượng biên chế cho phù hợp.

Phụ trách từng việc do lãnh đạo Phòng trực tiếp quản lý, có thể kết hợp làm việc theo chế độ chuyên viên tùy theo tính chất, khối lượng công việc do Trưởng phòng quyết định.

Điều 5. Biên chế

Biên chế hành chính của Phòng Giáo dục và Đào tạo được xác định trên cơ sở căn cứ vào khối lượng, tính chất, đặc điểm cụ thể công tác giáo dục và đào tạo của quận; số lượng biên chế của Phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng biên chế hành chính của quận được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Chương IV CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Thực hiện theo quy định chung của Nhà nước.
2. Phòng Giáo dục và Đào tạo làm việc theo chế độ thủ trưởng.
3. Trưởng phòng phụ trách, điều hành tất cả các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh;
4. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết;
5. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.
6. Cán bộ, công chức của Phòng đều có chức danh, nhiệm vụ cụ thể, có bảng tên đặt tại bàn làm việc, đồng thời phải mặc trang phục và đeo thẻ công chức theo quy định.
7. Công chức phải có thái độ, phong cách làm việc lịch sự, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của lãnh đạo Phòng, của đồng nghiệp, cũng như của khách đến liên hệ công tác.

Điều 7. Chế độ sinh hoạt, hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau;

2. Theo định kỳ trên, các bộ phận hợp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác cho từng thời kỳ;

3. Mỗi tháng họp toàn thể cơ quan một lần;

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác từng thời kỳ do lãnh đạo từng bộ phận trực tiếp phê duyệt;

5. Lịch làm việc với các cơ sở của Phòng (các tổ chức và cá nhân có liên quan) phải nêu cụ thể trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được chuẩn bị chu đáo để kịp thời giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 8. Các mối quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác giáo dục và đào tạo. Trưởng phòng trực tiếp ghi nhận chỉ thị và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

- Theo định kỳ phải báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Trường hợp Hội đồng nhân dân quận có yêu cầu, nếu được sự ủy nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thì Trưởng phòng báo cáo hoặc giải trình những vấn đề có liên quan trong kỳ họp của Hội đồng nhân dân quận.

2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo:

Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và báo cáo công tác chuyên môn theo yêu cầu của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Đối với các phòng chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

- Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, để thực hiện chức năng theo quy định, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch và nhiệm vụ chính trị của quận. Trường hợp chủ trì giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Trưởng các phòng chuyên môn

khác, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

- Trước khi trình văn bản, đề án cho Ủy ban nhân dân quận quyết định, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo phải chủ động quan hệ, thảo luận với các phòng chuyên môn khác về những vấn đề có liên quan đến các phòng đó.

4. Đối với Ủy ban nhân dân phường:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn về nghiệp vụ ngành để Ủy ban nhân dân phường thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trong phạm vi địa phương theo quy định của Nhà nước;

- Thực hiện chế độ thanh tra, kiểm tra ngành theo chức năng của Phòng và khi Ủy ban nhân dân quận yêu cầu;

- Cung cấp cho phường các tài liệu, thông tin cần thiết phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ ngành tại địa phương.

5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 9. Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo và Thủ trưởng các cơ quan liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này sau khi được Ủy ban nhân dân quận quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc thì đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp.

Điều 10. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ Quy chế này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ký ban hành mới có giá trị./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Thị Tám

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng